

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2021

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Hoàng Phúc

Bà Trần Thị Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kiên Thị Minh Hiếu là thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 255/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Ông Sơn C, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Hòa L B, xã Lương H A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Bà Kim Thị Ánh H, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Hòa L C, xã Lương H A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn ông Sơn C trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Trước đây, do được hai gia đình mai mối nên ông Sơn C và bà Kim Thị Ánh H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Hòa. Sau khi cưới vợ chồng ông sống chung với nhau tại nhà cha mẹ ruột ông thuộc ấp Hòa L B, xã Lương H A,

huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh được 8 tháng. Trong thời gian sống chung, vợ chồng ông thường xuyên cãi nhau, không hạnh phúc. Nguyên nhân của việc mâu thuẫn là do bản thân ông Sơn C uống rượu nhiều, bà H có nhiều lần khuyên ngăn, nhưng ông C không thay đổi, nên sau khi cưới nhau được 8 tháng thì bà H đã bỏ về nhà mẹ ruột ở tại ấp Hòa L C sống cho đến nay. Vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau đến nay đã được 21 năm nay. Trong thời gian ly thân này, giữa ông C với bà H không còn quan tâm nhau, bỏ mặc nhau, tình cảm vợ chồng không còn gắn được nên ông Sơn C yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với Kim Thị Ánh H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời khai của bị đơn bà Kim Thị Ánh H cụ thể như sau:

Bà cùng với ông Sơn C trước đây do mai mối, nên quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa. Sau ngày cưới bà sống làm dâu tại nhà ông Sơn C. Nhưng do ông Sơn C thường xuyên uống rượu, bà có khuyên ngăn, nhưng ông Sơn C không nghe mà còn nhiều lần đánh đập bà. Bà H không chịu đựng được cảnh bị ông C đánh đập, nên sau ngày cưới 03-04 tháng thì bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với ông C cho đến nay. Nay bà H xét thấy không còn tình cảm gì với ông Sơn C, nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Sơn C và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Nhưng do bà không muốn gặp mặt ông Công, nên Tòa án đã nhiều lần triệu tập, nên bà không đến Tòa án để hòa giải cùng ông Sơn C.

Về con chung, tài sản, nợ chung: Bà Kim Thị Ánh H trình bày không có.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự

- Đối với việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sơn C được ly hôn bà Kim Thị Ánh H

Về con chung: Ông Sơn C và bà Kim Thị Ánh H cùng khai không có, không giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Ông Sơn C và bà Kim Thị Ánh H cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Buộc ông Sơn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các vấn đề về hôn nhân, con chung, tài sản, nợ chung: Ông Sơn C và bà Kim Thị Ánh H cùng thống nhất, nên không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn ông Sơn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà Kim Thị Ánh H, trú tại: ấp Hòa L C, xã Lương H A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, về con chung, tài sản chung, nợ chung ông Sơn C và bà Ánh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và cùng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông Sơn C và bà Kim Thị Ánh H đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương H vào ngày 28/5/1999, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông Sơn C thường xuyên uống rượu, bà H nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông C không nghe, mà còn nhiều lần đánh bà Hoa, nên sau khi cưới nhau khoảng 7-8 tháng thì ông Sơn C và bà Ánh H sống ly thân từ năm 1999 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh vụ việc, theo chính quyền địa phương cho biết ông Sơn C và bà Ánh H sau khi ngày cưới được vài tháng thì bà Ánh H về nhà mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay, nên đề nghị Tòa án cho ông Sơn C được ly hôn bà Ánh H và giữa họ không có con chung với nhau.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng ông Sơn C và bà Kim Thị Ánh H sau ngày cưới chỉ có vài tháng thì từ cuối năm 1999 đã sống ly thân cho đến nay, nên vợ chồng ông C và bà H đã bỏ mặt nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, trong khoản thời gian này hai người không hề cùng nhau thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng và thể hiện qua quá trình giải quyết vụ án bà H không muốn gặp mặt lại ông Sơn C. Hội đồng xét xử xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không

đạt được. Từ phân tích trên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Sơn C đối với bà Kim Thị Ánh H.

Về con chung: Ông Sơn C và bà Kim Thị Ánh H cùng khai không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Ông Sơn C và bà Ánh H cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Sơn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Sơn C đối với bà Kim Thị Ánh H.

Về hôn nhân: Ông Sơn C và bà Kim Thị Ánh H được ly hôn.

Về con chung: Ông Sơn C và bà Kim Thị Ánh H cùng khai không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Sơn C và bà Ánh H cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

2/ Về án phí: Ông Sơn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004602 ngày 18/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Như vậy Ông Sơn C đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Hòa;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Hiệp